



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

TS. PHẠM THẾ TRI

Đại học Quốc gia TP. HCM

Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, dù là các quốc gia công nghiệp phát triển hay đang phát triển đều coi trọng sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), vì nó có vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Chính phủ các nước rất quan tâm đến việc đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng các chính sách trợ giúp, khuyến khích và ưu đãi.

Đối với nước ta, ngày 23 tháng 11 năm 2001 Chính phủ đã ban hành Nghị định 90 “về trợ giúp phát triển DNNVV”. Do đó, phát triển DNNVV là một nhiệm vụ quan trọng trong bối cảnh VN gia nhập WTO và thực hiện AFTA. Vì vậy, cần phải nhìn nhận đầy đủ vai trò của DNNVV trong nền kinh tế thị trường để xây dựng đồng bộ hệ thống các giải pháp để đảm bảo cho nâng cao sức cạnh tranh cho loại hình doanh nghiệp này trong

giai đoạn hiện nay.

1. Vị trí và vai trò của DNNVV trong môi trường cạnh tranh

Môi trường cạnh tranh chịu sự tác động của nhiều lực lượng tham gia, trong đó đặc biệt là đối thủ cạnh tranh. Đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều làm cho môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt là các loại hình doanh nghiệp có quy mô lớn. Trái lại, DNNVV hoạt động trong thị trường ngách, phục vụ cho nhu cầu ở địa phương; vì vậy, DNNVV có vị trí và vai trò quan trọng trong môi trường cạnh tranh ở VN hiện nay.

Quy mô sản xuất, kinh doanh nhỏ và vừa nên có tính năng động, linh hoạt, tự do sáng tạo trong kinh doanh. Dễ dàng và nhanh chóng đổi mới thiết bị, công nghệ hiện đại. Vốn đầu tư ban đầu ít, thu hồi vốn nhanh, hiệu quả kinh tế cao, sử dụng được nhiều lao động xã hội. Hệ thống tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh của DNNVV gọn nhẹ, linh hoạt, cơ

chế điều hành trực tuyến, quan hệ giữa người lao động và nhà quản lý khá chặt chẽ. Sự đình trệ, thua lỗ, phá sản của DNNVV có ảnh hưởng rất ít, hoặc không gây khủng hoảng kinh tế - xã hội, đồng thời ít chịu ảnh hưởng bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế dây chuyền. Ở hầu hết các nước số lượng DNNVV chiếm trên 90 % tổng số các doanh nghiệp, chiếm khoảng 50% GDP. Ở nước ta hiện nay chưa có số liệu thống kê đầy đủ một cách chính xác DNNVV, nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng loại hình doanh nghiệp này chiếm khoảng 80 - 90 % tổng số doanh nghiệp và chiếm 24 % GDP. Loại hình DNNVV đã giải quyết một số lượng lớn việc làm cho xã hội, làm tăng thu nhập cho người lao động, thu hút được nhiều nguồn vốn phân tán trong dân cư, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế làm tăng tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại. Các DNNVV là nơi ươm mầm các tài năng kinh doanh, là nơi đào tạo, rèn luyện các nhà quản lý doanh nghiệp, tạo cho họ làm quen với môi trường kinh doanh. Quy luật của sự phát triển doanh nghiệp đi từ qui mô nhỏ đến qui mô vừa và đến qui mô lớn. Thông qua điều hành qui mô nhỏ và vừa một số nhà doanh nghiệp tích lũy được kinh nghiệm dần dần thích ứng với việc điều hành doanh nghiệp có qui mô lớn nhưng mặt hạn chế của DNNVV là quản lý chủ yếu bằng kinh nghiệm, chưa theo kịp với sự đa dạng hóa của cơ chế thị trường. Cuộc hội thảo “Dịch vụ ngân hàng với doanh nghiệp vừa và nhỏ” tổ chức tại Hà Nội cho thấy việc thiếu vốn đã, đang



và có thể sẽ là căn bệnh muôn thuở đối với các DNNVV. Hiệp hội các DN vừa và nhỏ Hà Nội cho rằng khó khăn lớn nhất của các DN vừa và nhỏ hiện nay là tình trạng thiếu vốn để sản xuất. Trước hết là do nguồn vốn chủ sở hữu thấp. DN vừa và nhỏ hầu như không đáp ứng được điều kiện để có mặt trên thị trường chứng khoán. Vì vậy, họ phải huy động vốn chủ yếu từ nhiều nguồn như: ngân hàng và của bản thân chủ doanh nghiệp, gia đình, bạn bè. Nguồn vốn của doanh nghiệp vừa và nhỏ lâu nay chủ yếu dựa vào nguồn vay phi chính thức. Số DN được vay từ nguồn vốn chính thức (ngân hàng) rất hạn chế bởi một phần do bản thân doanh nghiệp và một phần do các định chế từ phía ngân hàng. Vì vậy, việc đảm bảo nguồn vốn cho các DNNVV là yêu cầu bức xúc trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

2. Thực trạng DNNVV ở nước ta hiện nay

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Một cuộc điều tra quy mô được Cục Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tiến hành với sự tham gia của hơn 63 ngàn doanh nghiệp tại 30 tỉnh thành phía Bắc, nhằm nắm bắt tình hình các DNNVV, các nhu cầu của doanh nghiệp cần trợ giúp. Thông qua đó, các cơ quan quản lý có thể xây dựng các chương trình trợ giúp, đề xuất bổ sung cơ chế chính sách khuyến khích phát triển DNNVV. Cuộc điều tra cho thấy, quy mô vốn của các doanh nghiệp còn nhỏ, gần 50% số doanh nghiệp có mức vốn dưới 1 tỷ đồng; gần 75% số doanh nghiệp có mức vốn dưới 2 tỷ đồng và 90% số doanh nghiệp có mức

vốn dưới 5 tỷ đồng.

Do quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp VN là rất nhỏ bé nên khả năng cạnh tranh sẽ rất kém. Việc đổi mới thiết bị, công nghệ của các doanh nghiệp là cấp thiết nhưng còn rất khó khăn. Bất cập về trình độ quản lý và công nghệ. Theo số liệu thống kê, có tới 55.63% số chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn từ trung cấp trở xuống, trong đó 43,3% chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn từ sơ cấp và phổ thông các cấp. Cụ thể, số người là tiến sỹ chỉ chiếm 0,66%; thạc sỹ 2,33%; đã tốt nghiệp đại học 37,82%; tốt nghiệp cao đẳng chiếm 3,56%; tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp chiếm 12,33% và 43,3% có trình độ thấp hơn. Điều đáng chú ý là đa số các chủ doanh nghiệp ngay những người có trình độ học vấn từ cao đẳng và đại học trở lên thì cũng ít người được đào tạo về kiến thức kinh tế và quản trị doanh nghiệp. Điều này có ảnh hưởng lớn đến việc lập chiến lược phát triển, định hướng kinh doanh và quản lý của các doanh nghiệp VN. Về trình độ sử dụng công nghệ, chỉ có khoảng 8% số doanh nghiệp đạt trình độ công nghệ tiên tiến mà phần lớn là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Doanh nghiệp trong nước đang sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu và khả năng cạnh tranh về công nghệ của các doanh nghiệp phía Bắc là rất thấp. Bên cạnh đó, chỉ tiêu về sử dụng công nghệ thông tin cũng cho thấy, tuy số doanh nghiệp có sử dụng máy vi tính lên đến hơn 60% nhưng chỉ có 11,55% doanh nghiệp có sử dụng mạng nội bộ - LAN, số doanh nghiệp có website là rất thấp; chỉ 2,16%. Đây là một kết quả rất đáng lo ngại vì khả năng tham gia thương mại

điện tử và khai thác thông tin qua mạng của các doanh nghiệp phía Bắc còn rất thấp. Cuộc điều tra cũng chỉ ra một nghịch lý là trong khi trình độ về kỹ thuật công nghệ còn thấp nhưng nhu cầu đào tạo về kỹ thuật và công nghệ của doanh nghiệp có tỷ lệ rất thấp; chỉ 5.65% doanh nghiệp được điều tra có nhu cầu về đào tạo công nghệ. Điều này cho thấy, các doanh nghiệp VN nói chung và các doanh nghiệp phía Bắc nói riêng, chưa coi trọng đúng mức đến các vấn đề về kỹ thuật và công nghệ. Mặc dù đây là yếu tố quyết định sự thành bại của doanh nghiệp trên thương trường.

Số liệu tổng hợp cũng cho thấy một sự khác biệt cơ bản giữa các doanh nghiệp VN với các doanh nghiệp của các nước khác. Trong khi các doanh nghiệp trên thế giới quan tâm hàng đầu về các thông tin công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, thị trường cung cấp và tiêu thụ thì doanh nghiệp VN lại chủ yếu quan tâm đến các thông tin về cơ chế, chính sách liên quan đến doanh nghiệp, rất ít doanh nghiệp quan tâm đến các thông tin về kỹ thuật và công nghệ, nhu cầu lớn về vốn, thị trường và đào tạo. Qua cuộc điều tra, các doanh nghiệp tiếp tục đề cập tới nhiều khó khăn đã được nhắc đến nhiều lần. Cụ thể 66.95% doanh nghiệp cho biết thường gặp khó khăn về tài chính; 50.62% doanh nghiệp thường gặp khó khăn về mở rộng thị trường; 41.74% doanh nghiệp gặp khó khăn về đất đai và mặt bằng sản xuất; 25.22% doanh nghiệp gặp khó khăn về giảm chi phí sản xuất; 24.23% khó khăn về thiếu các ưu đãi về thuế; 19.47% khó khăn về thiếu thông tin; 17.56% doanh nghiệp khó khăn về đào tạo nguồn nhân lực...



Về khả năng tiếp cận các nguồn vốn của Nhà nước: chỉ có 32,38% số doanh nghiệp cho biết đã tiếp cận được các nguồn vốn của Nhà nước, chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp cổ phần hoá; 35,24% số doanh nghiệp khó tiếp cận và 32,38% số doanh nghiệp không tiếp cận được. Trong khi đó, việc tiếp cận nguồn vốn khác cũng gặp khó khăn chỉ có 48,65% số doanh nghiệp khả năng tiếp cận, 30,43% số doanh nghiệp khó tiếp cận và 20,92% số doanh nghiệp không tiếp cận được.

Bên cạnh đó, việc tham gia các chương trình xúc tiến thương mại của Nhà nước cũng rất khó khăn. Chỉ có 5,2% số doanh nghiệp đã được tham gia; 23,12% số doanh nghiệp khó được tham gia và 71,67% số doanh nghiệp không được tham gia.

Thực trạng trên đây đòi hỏi cần đẩy nhanh việc thành lập các quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; đồng thời, Chính phủ cần sớm có Chương trình xúc tiến xuất khẩu dành riêng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Qua cuộc điều tra, doanh nghiệp cũng bày tỏ nhu cầu về đào tạo trong rất nhiều lĩnh vực, trong đó có 33,64% số doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo về tài chính, kế toán; 31,62% số doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo về quản trị doanh nghiệp; 24,14% có nhu cầu đào tạo về phát triển thị trường; 20,17% số doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo về lập kế hoạch, chiến lược kinh doanh; 12,89% có nhu cầu đào tạo về phát triển sản phẩm mới; 12,89% có nhu cầu đào tạo về kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế; 11,62% có nhu cầu đào tạo về quản lý nguồn nhân lực; 10,85% số doanh nghiệp có nhu cầu đào

tạo và ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp. Hiện nay các doanh nghiệp đã nhận thấy nhu cầu rất lớn về đào tạo nhưng chưa được đáp ứng.

3. Những định hướng cơ bản để phát triển DNNVV ở VN

1. Hoàn thiện và đảm bảo tính ổn định khung pháp lý, cải cách thủ tục hành chính và chính sách tài chính nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, thông thoáng cho DNNVV phát triển.

2. Đánh giá tác động của các chính sách đối với các DNNVV, định kỳ tổ chức đối thoại giữa cơ quan nhà nước với DNNVV, qua đó hướng dẫn và giải đáp các yêu cầu bức thiết cho phát triển kinh doanh.

3. Điều chỉnh hệ thống thuế phù hợp nhằm khuyến khích khởi sự doanh nghiệp, đổi mới chế độ kế toán, các biểu mẫu báo cáo theo hướng đơn giản hoá, khuyến khích doanh nghiệp tự kê khai và nộp thuế, vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, vừa chống thất thu thuế.

4. Cải thiện tình trạng thiếu mặt bằng sản xuất, tăng cường bảo vệ môi trường thông qua việc lập và công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tạo điều kiện để phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy mô hợp lý và giá thuê đất phù hợp với khả năng của DNNVV; hỗ trợ di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa gây ô nhiễm, tác hại đến môi trường tại các khu dân cư và đô thị đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

5. Sửa đổi, bổ sung các quy định để đẩy nhanh việc xây dựng quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNN&V tại các địa phương; khuyến khích phát triển các loại hình ngân hàng, ngân hàng thương mại cổ phần chuyên

phục vụ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó bao gồm cả việc phát triển nghiệp vụ cho thuê tài chính và áp dụng biện pháp cho vay không có bảo đảm bằng tài sản thế chấp đối với các DNNVV có dự án khả thi, có hiệu quả để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư và kinh doanh.

6. Đẩy nhanh việc thực hiện các chương trình hỗ trợ, phổ biến, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến tới các DNNVV, nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật; khuyến khích việc hợp tác và chia sẻ công nghệ giữa các doanh nghiệp có quy mô khác nhau; phát triển có hiệu quả các chương trình nghiên cứu có khả năng ứng dụng vào thực tiễn; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và ban hành hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng phù hợp với quốc tế. Khuyến khích DNNVV tham gia các chương trình liên kết ngành, liên kết vùng và phát triển công nghiệp phụ trợ.

7. Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp để có cơ sở dữ liệu đánh giá về tình trạng của DNNVV, phục vụ công tác hoạch định chính sách và cung cấp các thông tin phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kinh nghiệm, ý chí kinh doanh và làm giàu hợp pháp tới mọi đối tượng. Nghiên cứu thí điểm việc đưa các kiến thức về kinh doanh vào chương trình học ở trường phổ thông, đại học, cao đẳng, trung học kỹ thuật và các trường dạy nghề nhằm thúc đẩy tinh thần kinh doanh, phát triển văn hoá doanh nghiệp, tạo sự ủng hộ trong toàn xã hội đối với doanh nghiệp kinh doanh theo pháp luật.

8. Phát triển thị trường dịch vụ phát triển kinh doanh (cả về phía